

PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM KHẲNG ĐỊNH HỌC THUYẾT CỦA MÁC LÀ QUYẾT ĐỊNH LUẬN HAY THUYẾT ĐỊNH MỆNH

NGUYỄN VĂN HIỂN
Trưởng Chính trị tỉnh Gia Lai

Nhận bài ngày 25/6/2026. Sửa chữa xong 30/6/2026. Duyệt đăng 01/7/2026.

Abstract

This article examines and refutes the claim that Marx's theory separates human beings from individual freedom and personal agency, reducing them to mere instruments of history. From this interpretation, some scholars characterize Marxism as a form of determinism or a secular version of fatalism. The article argues that such views are distorted, one-sided, and lacking in objectivity. They misrepresent the relationship between historical conditions, human agency, and social transformation in Marx's thought. These interpretations are also used to deny the scientific value of Marxism, question the role of the Communist Party, and reject Vietnam's path toward socialism. By clarifying the theoretical foundations of Marx's thought, the article contributes to identifying and challenging these misleading arguments.

Keywords: Marx's theory, distorted arguments, determinism, fatalism, human agency.

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử tư tưởng nhân loại, học thuyết của Karl Marx (Karl Marx, 1818-1883) đã tạo nên bước ngoặt sâu sắc trong nhận thức về xã hội, lịch sử và vai trò của con người. Tuy nhiên, cùng với sức ảnh hưởng rộng lớn ấy, nhiều quan điểm xuyên tạc vẫn cố tình quy kết rằng chủ nghĩa Marx chỉ là một dạng “quyết định luận” cứng nhắc hay “thuyết định mệnh”, phủ nhận vai trò của ý chí, tự do và hoạt động sáng tạo của con người trong lịch sử (Hà Nhân, 2025). Theo họ, chủ nghĩa Marx xem lịch sử vận động hoàn toàn theo những quy luật tất yếu, con người không có khả năng tác động hay lựa chọn, mọi biến đổi xã hội đều được “định sẵn”. Từ đó, họ cho rằng mọi biến đổi xã hội đều đã được “an bài” bởi các quy luật kinh tế khách quan.

Những nhận định ấy không chỉ phản ánh sự hiểu sai bản chất phép biện chứng duy vật mà còn bóp méo tinh thần khoa học và cách mạng trong học thuyết của Marx. Đây là sự xuyên tạc có chủ đích, xuất phát từ việc cắt xén, diễn giải phiến diện hoặc cố tình bóp méo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Thực chất, học thuyết của Marx không phải là học thuyết định mệnh, càng không phải là thứ quyết định luận máy móc, mà là một học thuyết khoa học khẳng định vai trò quyết định của các quy luật khách quan đối với sự vận động phát triển xã hội, nhưng đồng thời khẳng định, đề cao vai trò chủ động, sáng tạo của con người trong việc nhận thức và cải biến thế giới.

Vì vậy, việc nhận diện và phản bác quan điểm cho rằng học thuyết của Marx là quyết định luận hay thuyết định mệnh không chỉ có ý nghĩa lý luận, mà còn góp phần bảo vệ giá trị khoa học, nhân văn và sức sống thực tiễn của chủ nghĩa Marx trong bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Về “quyết định luận”, “thuyết định mệnh”, “vô định luận”

Theo quyết định luận (determinism), mọi hiện tượng diễn ra trong tự nhiên, xã hội và tư duy luôn không thể không tránh khỏi tính quy định nhân quả. Nguyên lý xuất phát của chủ nghĩa quyết định

Email: nguyenvanhiencdsp2009@gmail.com

luyện là mọi thứ xảy ra đều là kết quả trực tiếp của một nguyên nhân gốc rễ. Nói cách khác, mọi sự kiện đều do các sự kiện trước đó gây ra và do đó là không thể tránh khỏi, không nhất thiết nằm trong phạm vi kiểm soát của con người.

Quyết định luận lịch sử (historical determinism) là niềm tin rằng các sự kiện trong lịch sử hoàn toàn được xác định hoặc hạn chế bởi các lực lượng trước đó khác nhau và do đó, theo một nghĩa nào đó, là tất yếu. Họ tin rằng không có gì trong vũ trụ không có nguyên nhân hoặc tự gây ra. Quan điểm triết học về chủ nghĩa quyết định được áp dụng cho quá trình hoặc hướng mà lịch sử diễn ra. Nói cách khác, bắt buộc phải có các sự kiện và điều kiện cùng với các quy luật của tự nhiên thì mới diễn ra sự kiện khác.

Khác với quyết định luận lịch sử, quyết định luận cứng nhắc xem mọi sự vật, hiện tượng đều bị chi phối tuyệt đối, một chiều bởi nguyên nhân, quy luật nào đó và không thừa nhận sự đa dạng, quanh co, phức tạp của hiện thực, cũng không thấy được vai trò tác động của con người. Cực đoan hơn “quyết định luận cứng nhắc”, thuyết định mệnh (fatalism) cho rằng có một ý chí tối cao được quy định từ trước cho mọi quá trình của thế giới, kể cả số kiếp đời sống của mỗi người. Con người dù có thể đi theo những con đường khác nhau nhưng cũng không thể tránh được kiếp phận. Do đó, con người không thể kiểm soát tương lai của mình, chỉ còn có thể là cam chịu. Sự chủ yếu dựa vào lòng tin về quyền lực vô hạn của ý chí tối cao làm cho thuyết định mệnh mang nhiều màu sắc tiêu cực vì nó cổ xúy thái độ thụ động, sự phục tùng mù quáng vào hoàn cảnh.

Tính tất yếu của thuyết định mệnh rất khác biệt với quy luật khách quan. Quy luật khách quan tồn tại độc lập với ý thức con người, nhưng không đồng nghĩa với việc mọi kết quả đều được định sẵn bất kể hoàn cảnh cụ thể. Con người không thể xóa bỏ quy luật, song hoàn toàn có thể nhận thức, vận dụng và tạo ra các điều kiện thuận lợi để phát huy tác động tích cực hoặc hạn chế những tác động tiêu cực của quy luật.

Đối nghịch với quyết định luận, vô định luận (indeterminism) nói chung không thừa nhận đặc trưng phổ biến của tính quy định nhân quả. Lý thuyết này cho rằng có những hiện tượng không có nguyên nhân, đặc biệt là các hiện tượng ngẫu nhiên và hành vi của con người. Nói cách khác, đây là tư tưởng cho rằng không phải tất cả các sự kiện đều được xác định hoàn toàn bởi những nguyên nhân có trước, sự vật và ngay cả vũ trụ chỉ là sự tồn tại ngẫu nhiên, may rủi, không chắc chắn, thế giới vận động không có tính tất yếu.

Cần phân biệt rõ tính tất yếu khách quan của quy luật với quan niệm tất định của thuyết định mệnh. Trong phép biện chứng duy vật, quy luật khách quan phản ánh những mối liên hệ bản chất, ổn định, lặp đi lặp lại giữa các sự vật, hiện tượng và tồn tại độc lập với ý thức con người. Tuy nhiên, quy luật không quyết định một cách cứng nhắc mọi diễn biến cụ thể của hiện thực, mà luôn biểu hiện thông qua những điều kiện lịch sử xác định, sự tác động của nhiều nhân tố khác nhau cũng như vai trò của chủ thể thực tiễn. Chính vì vậy, quy luật chỉ vạch ra xu hướng vận động tất yếu của sự vật, còn hình thức, tốc độ và con đường hiện thực hóa xu hướng ấy luôn mang tính đa dạng và phong phú.

Trong phép biện chứng duy vật, phạm trù “khả năng” và “hiện thực” có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Một khả năng khách quan chỉ có thể trở thành hiện thực khi hội đủ những điều kiện cần thiết. Ngược lại, nếu thiếu các điều kiện đó thì khả năng vẫn chỉ tồn tại như một xu hướng khách quan chứ chưa thể chuyển hóa thành hiện thực. Điều này cho thấy quy luật không hề phủ nhận vai trò của điều kiện lịch sử và hoạt động có ý thức của con người. Chính hoạt động thực tiễn của con người góp phần tạo lập hoặc cải biến những điều kiện khách quan để thúc đẩy hoặc kìm hãm quá trình hiện thực hóa các khả năng phát triển.

Thực tiễn lịch sử thế giới chứng minh rõ điều đó. Nhiều quốc gia cùng vận động theo các quy luật chung của nền kinh tế thị trường nhưng lại lựa chọn những mô hình phát triển rất khác nhau, tạo nên những kết quả phát triển không giống nhau. Chính sự khác biệt về điều kiện lịch sử, thể chế chính trị, trình độ phát triển lực lượng sản xuất, truyền thống văn hóa và năng lực quản trị quốc gia đã làm cho quá trình vận động của cùng một quy luật diễn ra với nhiều hình thức khác nhau. Nếu quy luật đồng nghĩa với số phận được an bài thì sự đa dạng ấy không thể tồn tại. Đây cũng chính là điểm khác biệt căn bản giữa chủ nghĩa duy vật lịch sử với quyết định luận cứng nhắc và thuyết định mệnh.

2.2. Sự tự do của con người liên quan đến các luận thuyết

Sự tự do của ý chí, sức mạnh hoặc khả năng của con người hầu như không được ủng hộ trong quyết định luận, thậm chí nó còn mang đậm màu sắc thần bí, duy tâm trong thuyết định mệnh.

Tại sao có nhận định: “Học thuyết về lịch sử của Karl Marx chỉ là một phiên bản thể tục của thuyết định mệnh. Nó công kích sự tự do và phẩm giá của con người, đúng như những gì đã xảy ra ở các nước xã hội chủ nghĩa” (Terry Eagleton, 2018, tr. 24). Vậy, vấn đề con người với sự tự do ý chí trong học thuyết của Các Mác liệu chưa hiểu đúng hay cố ý thổi phồng lên để tư biện, suy diễn và cuối cùng là đánh đồng thành quyết định luận hay thuyết định mệnh bởi một số học giả (?!).

Dựa trên sự phát hiện và phân tích từ các quy luật cơ bản của xã hội như quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, Karl Marx kết luận: “Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên, cho nên so với mọi quan điểm khác, quan điểm của tôi có thể ít quy trách nhiệm hơn cho các cá nhân về những điều kiện mà xét theo ý nghĩa xã hội thì cá nhân đó trước sau vẫn là một sản phẩm của những điều kiện đó, dù cho về mặt chủ quan cá nhân đó có muốn vươn lên khỏi những điều kiện ấy tới mức nào chăng nữa” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002b, tr. 21). Sự vận động, thay thế các hình thái kinh tế - xã hội của lịch sử nhân loại là một quy luật mà C.Mác đã có công phát hiện ra. Người từng nói: “Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa, cái cối xay chạy bằng hơi nước đưa lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002a, tr. 187], nên theo đó, sự phát triển của lực lượng sản xuất để thúc đẩy xã hội loài người tiến lên những phương thức sản xuất, hình thái kinh tế - xã hội cao hơn là quy luật tất yếu. Những sự phân tích rất tường minh như vậy của Karl Marx không thể suy diễn và quy kết là một “hình thức của quyết định”, hay là “phiên bản thể tục của thuyết định mệnh” bởi vì Người cho rằng mỗi một phương thức sản xuất luôn tồn tại trong bản thân nó những quy luật riêng của sự phát triển, hòa hợp với quy luật chung. Theo Karl Marx, không có một quy luật tất yếu duy nhất cho sự vận động phát triển của lịch sử. Một quốc gia dân tộc có trải qua chế độ tư bản chủ nghĩa hay không, với Karl Marx đó không phải là “con đường đi chung do số phận sắp xếp cho tất cả các quốc gia dù hoàn cảnh lịch sử của các quốc gia đó như thế nào đi nữa” (Terry Eagleton, 2018, tr. 36). Do vậy, tính tất yếu không phải là duy nhất cho mọi xã hội riêng biệt và nằm ngoài tầm kiểm soát của con người với tư cách sự tự do của ý chí.

Theo Karl Marx và Friedrich Engels, khi mặt này quyết định mặt kia trong mối quan hệ biện chứng của một quy luật khách quan thì sự quyết định đó không thể được hiểu là tuyệt đối, vĩnh viễn, mà chỉ mang ý nghĩa xét đến cùng. Trong “*Lời tựa Góp phần phê phán kinh tế chính trị*”, Karl Marx khẳng định rằng phương thức sản xuất vật chất giữ vai trò quyết định đối với đời sống xã hội. Tuy nhiên, sự “quyết định” ở đây là quyết định trong xét đến cuối cùng, chứ không phủ nhận vai trò của chính trị, pháp luật, văn hóa, tư tưởng hay hoạt động của con người. Sau này, Friedrich Engels đã nhiều lần giải thích rằng nếu hiểu quan điểm duy vật lịch sử theo kiểu mọi thứ chỉ do kinh tế quyết định thì đó là cách hiểu hoàn toàn sai lầm. Ông nhấn mạnh yếu tố kinh tế giữ vai trò quyết định cuối cùng nhưng các yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng cũng tác động trở lại mạnh mẽ đối với cơ sở kinh tế và tiến trình lịch sử. Trong bức thư gửi Joseph Bloch ở Königsberg (Khuê-ních-xbước) ngày 21-9-1890, Friedrich Engels viết: “Theo quan niệm duy vật về lịch sử, nhân tố quyết định trong quá trình lịch sử xét đến cùng là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống hiện thực. Cả tôi lẫn Marx chưa bao giờ khẳng định gì hơn thế. Còn nếu có ai đó xuyên tạc luận điểm này theo ý nghĩa nhân tố kinh tế là nhân tố quyết định duy nhất, thì người đó biến lời khẳng định này thành một câu trống rỗng, trừu tượng, vô nghĩa” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002c, tr. 641). Nói cách khác, Karl Marx và Friedrich Engels không xem kinh tế là nhân tố quyết định trực tiếp và duy nhất đến sự phát triển xã hội như một “định mệnh” không thể khác, tuyệt đối mà chỉ nhấn mạnh là nhân tố “xét đến cùng”.

Mặt khác, trong *Lời tựa viết cho lần xuất bản thứ nhất bộ Tư bản*, Karl Marx viết: “Một nước phải học hỏi và có thể học hỏi ở các nước khác. Một xã hội, ngay cả khi đã phát hiện được quy luật tự nhiên của sự vận động của nó... cũng không thể nào nhảy qua các giai đoạn phát triển tự nhiên hay dùng sắc lệnh để xóa bỏ những giai đoạn đó. Nhưng nó có thể rút ngắn và làm dịu bớt được những cơn đau đẻ”

(C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002b, tr. 21). Do vậy, sự phát triển của lịch sử sẽ thay thế hình thái mới tiến bộ cho cái cũ lỗi thời là tất yếu nhưng diễn ra trong tính đa dạng, có thể tuần tự hay nhảy vọt, hoặc kết hợp, kéo dài hay rút ngắn do quy luật và điều kiện riêng biệt của địa vùng, quốc gia đó quyết định. Điều đó phụ thuộc vào năng lực nhận thức và vận dụng quy luật vận động và phát triển của hiện thực khách quan. Thế nên, Karl Marx đã không xây dựng một mô hình lịch sử cứng nhắc, tuyến tính hay bất biến. Lịch sử luôn vận động thông qua sự tác động qua lại giữa điều kiện khách quan và hoạt động chủ quan của con người. Cùng một điều kiện kinh tế - xã hội, những dân tộc khác nhau, dưới sự lãnh đạo khác nhau, với trình độ tổ chức khác nhau có thể tạo ra những kết quả phát triển hoàn toàn khác nhau. Nếu lịch sử đã được “định sẵn” như các nhà phê phán xuyên tạc thì sẽ không thể giải thích được sự đa dạng của các mô hình phát triển trên thế giới. Vậy, lịch sử và sự vận động, thay thế hình thái này bằng hình thái khác không phải là sự “tiên tri” thiếu cơ sở khoa học hoặc là “định mệnh” được sắp đặt nằm ngoài tầm với của ý chí con người. Nhưng, Karl Marx thừa nhận sự tự do của ý chí con người không phải như là một sức mạnh độc lập, không bị cái gì quy định như “vô định luận”, mà tự do của con người cũng bị những điều kiện lịch sử cụ thể khách quan quy định. Con người trong mối quan hệ với lịch sử theo chủ nghĩa Marx là một biện chứng, là hai mặt của quá trình, vừa sản phẩm của lịch sử nhưng cũng là chủ thể của lịch sử. Karl Marx nói: hoàn cảnh sáng tạo ra con người trong chừng mực con người sáng tạo ra hoàn cảnh. Theo Người, chỉ có con người mới có khả năng tự làm ra lịch sử của mình một cách có ý thức. Nếu Karl Marx cho rằng mọi sự đều đã được số phận an bài thì sẽ mâu thuẫn và không có ý nghĩa gì khi ông kêu gọi con người hành động để cải tạo xã hội. Toàn bộ học thuyết của Marx đều hướng tới việc giải phóng con người thông qua hoạt động thực tiễn cách mạng chứ không phải sự chờ đợi thụ động. Quan điểm thể hiện về mối quan hệ biện chứng giữa nhân tố chủ quan và yếu tố khách quan, giữa con người với những điều kiện về chính trị, pháp lý, tôn giáo..., các nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx nhấn mạnh: “Chúng ta tự làm nên lịch sử của chúng ta, nhưng, thứ nhất, chúng ta làm ra lịch sử với những tiền đề và những điều kiện rất xác định. Trong số những tiền đề và điều kiện ấy thì những tiền đề và điều kiện kinh tế, rốt cục giữ vai trò quyết định. Nhưng, những điều kiện chính trị, v.v., ngay cả những truyền thống tồn tại trong đầu óc con người cũng đóng một vai trò nhất định, tuy không phải là vai trò quyết định” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002c, tr. 642).

Terry Eagleton, tác giả của *Tại sao Marx đúng* khẳng định: “Karl Marx không cho rằng, tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội nghĩa là tất cả chúng ta cứ việc ngủ yên” (Terry Eagleton, 2018, tr. 34). Vị giáo sư khả kính của Trường Đại học Tổng hợp Lancaster (Anh), không theo lập trường mácxít đã rất công bằng và khách quan trong kết luận: “Nếu ông thực sự là một nhà quyết định luận, ông có thể đã nói cho chúng ta chủ nghĩa xã hội xuất hiện khi nào và như thế nào” và “không có bằng chứng nào cho thấy rằng, Karl Marx nói chung là người theo chủ nghĩa quyết định luận theo nghĩa phủ nhận hành động của con người là tự do” (Terry Eagleton, 2018, tr. 36-37).

Từ quan điểm của Karl Marx và Friedrich Engels có thể thấy rằng, sự vận động của lịch sử không bao giờ là kết quả của một nhân tố đơn lẻ mà luôn là kết quả của sự tác động biện chứng giữa các nhân tố khách quan và chủ quan. Trong đó, điều kiện kinh tế giữ vai trò quyết định xét đến cùng, nhưng sự phát triển hiện thực còn chịu ảnh hưởng sâu sắc của nhân tố chính trị, pháp luật, văn hóa, truyền thống dân tộc, trình độ tổ chức xã hội cũng như năng lực hoạt động thực tiễn của con người. Chính vì vậy, nếu tuyệt đối hóa vai trò của bất kỳ nhân tố nào thì đều dẫn đến cách hiểu phiến diện, trái với tinh thần biện chứng của chủ nghĩa Marx.

Vai trò của nhân tố chủ quan được thể hiện trước hết ở khả năng nhận thức đúng quy luật khách quan. Quy luật tồn tại khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn của con người, nhưng con người có thể từng bước nhận thức được bản chất của quy luật, từ đó lựa chọn phương thức hành động phù hợp nhằm phát huy mặt tích cực và hạn chế những tác động tiêu cực của nó. Nhờ đó, con người không làm thay đổi bản chất của quy luật nhưng có thể tạo ra những điều kiện thuận lợi để quy luật phát huy tác dụng theo hướng có lợi cho sự phát triển xã hội.

Đây cũng là nội dung mà Friedrich Engels từng khái quát thành luận điểm nổi tiếng: “Tự do là sự

nhận thức cái tất yếu". Theo đó, tự do không phải là sự phủ nhận quy luật khách quan, càng không phải là hành động tùy tiện theo ý muốn chủ quan, mà là khả năng nhận thức đúng quy luật và hành động phù hợp với quy luật. Con người càng nhận thức đầy đủ các quy luật khách quan thì càng mở rộng khả năng làm chủ tự nhiên, xã hội và bản thân mình. Quan niệm này hoàn toàn đối lập với thuyết định mệnh vốn xem con người là đối tượng hoàn toàn bị chi phối bởi những lực lượng siêu nhiên hoặc những tất yếu không thể thay đổi.

Tựu trung, luận điệu cho rằng học thuyết của Marx là quyết định luận hay thuyết định mệnh chỉ là sự đánh tráo khái niệm giữa tính quy luật khách quan với sự an bài tuyệt đối của số phận. Chủ nghĩa Marx khẳng định xã hội vận động theo các quy luật khách quan, nhưng đồng thời cũng khẳng định vai trò to lớn của hoạt động thực tiễn, của ý thức, của tổ chức và của con người trong việc nhận thức và cải tạo thế giới. Chính sự thống nhất biện chứng giữa khách quan và chủ quan đã tạo nên sức sống khoa học và cách mạng của học thuyết Marx.

2.3. Giá trị phương pháp luận của học thuyết Marx trong nhận thức và cải tạo xã hội hiện nay

Những phân tích của Karl Marx về quy luật phát triển của xã hội không chỉ có giá trị về mặt lý luận mà còn mang ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc đối với hoạt động nhận thức và cải tạo hiện thực. Chủ nghĩa Marx yêu cầu phải xuất phát từ hiện thực khách quan, tôn trọng các quy luật khách quan, đồng thời phát huy đầy đủ vai trò năng động, sáng tạo của con người trong quá trình phát triển xã hội. Đây là cơ sở để khắc phục đồng thời hai khuynh hướng sai lầm thường gặp: chủ quan duy ý chí và bảo thủ, thụ động.

Nếu tuyệt đối hóa nhân tố chủ quan, phủ nhận vai trò của các điều kiện khách quan thì sẽ dẫn đến chủ nghĩa duy ý chí, nóng vội, áp đặt ý muốn chủ quan lên hiện thực. Ngược lại, nếu tuyệt đối hóa quy luật khách quan và phủ nhận vai trò của con người thì rất dễ rơi vào quyết định luận máy móc hoặc thuyết định mệnh, từ đó hình thành tâm lý trông chờ, thụ động và phủ nhận khả năng sáng tạo của con người. Phép biện chứng duy vật khắc phục cả hai khuynh hướng cực đoan này khi khẳng định rằng sự phát triển luôn là kết quả thống nhất giữa điều kiện khách quan với hoạt động thực tiễn của chủ thể.

Thực tiễn đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay là minh chứng sinh động cho giá trị phương pháp luận đó. Những thành tựu về tăng trưởng kinh tế, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chuyển đổi số và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không phải là kết quả tự phát của các quy luật kinh tế, mà là thành quả của quá trình nhận thức đúng quy luật khách quan, đồng thời phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và tính chủ động, sáng tạo của toàn xã hội. Điều đó càng khẳng định rằng chủ nghĩa Mác không cổ vũ sự chờ đợi thụ động trước lịch sử mà luôn hướng con người đến hoạt động thực tiễn nhằm cải tạo hiện thực theo những mục tiêu tiến bộ.

Trong bối cảnh hiện nay, khi các quan điểm phủ nhận chủ nghĩa Marx tiếp tục xuất hiện dưới nhiều hình thức mới, việc nhận diện chính xác bản chất của các luận điệu đồng nhất chủ nghĩa Marx với quyết định luận hay thuyết định mệnh càng có ý nghĩa quan trọng. Thực chất, đây là thủ pháp đánh tráo khái niệm giữa tính quy luật khách quan với sự tất định của số phận nhằm phủ nhận nền tảng triết học của chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nếu không phân biệt rõ hai phạm trù này, rất dễ dẫn đến những nhận thức sai lệch về bản chất khoa học và cách mạng của học thuyết Marx. Do đó, việc nghiên cứu đầy đủ các tác phẩm kinh điển của Karl Marx, Friedrich Engels và Vladimir Ilyich Lenin (V.I. Lenin), đồng thời đặt chúng trong bối cảnh lịch sử cụ thể, là yêu cầu cần thiết để bảo vệ giá trị khoa học của chủ nghĩa Marx trước những cách diễn giải phiến diện, cắt xén hoặc xuyên tạc. Đây không chỉ là yêu cầu của nghiên cứu lý luận mà còn có ý nghĩa thiết thực trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

3. Kết luận

Một số cách diễn đạt của Karl Marx có thể gợi ý về thuyết quyết định luận, thậm chí hình thức tiến bộ của nó là quyết định luận lịch sử, không cứng nhắc cũng không hằn hoàn toàn phù hợp và công

tâm, khách quan. Bởi vì, chủ nghĩa Marx nói chung là một học thuyết mở, biện chứng, không phải một hệ thống giáo điều bất biến, đóng kín. Với Karl Marx, tính tất yếu của sự ra đời của xã hội mới từ trong lòng xã hội cũ là do sự vận động của sản xuất vật chất, cùng nhiều yếu tố và mâu thuẫn của chúng như giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng với kiến trúc thượng tầng... nên quá trình có thể diễn ra rất lâu dài, quanh co, phức tạp... nhưng hoàn toàn có tính chủ động và tự giác liên quan mật thiết đến nhân tố chủ quan của con người. Còn quyết định luận nói chung, nhất là quyết định luận cứng nhắc máy móc hoặc thuyết định mệnh, cái mới, hình thái kinh tế - xã hội mới ra đời là thuần túy thụ động, tự phát và con người hoàn toàn không có một sự tự do ý chí nào và không thay đổi lịch sử. Thậm chí, quan điểm của một số học giả còn đẩy đến sự cực đoan khi suy diễn, vu khống rằng sự tự do cá nhân của con người trong tiến trình vươn đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội hiện thực theo học thuyết Marx bị “bỏ rơi” hoặc ở một mức độ rất hạn chế (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002b). “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người” - luận điểm bất hủ và cũng là một tôn chỉ của hành động, tranh đấu được nêu ra để cổ vũ giai cấp công nhân và những người lao động chân chính bị bóc lột trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của các nhà kinh điển đã khẳng định không hề có chuyện học thuyết của Karl Marx đã “bỏ rơi” hay “tách con người ra khỏi tự do cá nhân và tính cá thể”. Giáo sư tiến sĩ triết học Michel Vadée, thành viên của Trung tâm Nghiên cứu khoa học quốc gia Pháp về Hegel and Marx đã nhận xét sâu sắc: “Chủ nghĩa Marx có một ý nghĩa triết học; nó là một triết học: một “chủ nghĩa nhân bản”... chủ yếu nó là triết học về sự giải phóng và của tự do” (Michel Vadée, 1996, tr. 336]. Tựu trung lại, không thể quy kết đó là một hình thức quyết định luận cứng nhắc thuần túy khi phân tích về học thuyết của nhà tư tưởng vĩ đại của thế kỷ XIX, và cũng nhà tư tưởng được bầu chọn là vĩ đại nhất, số một - xếp trên cả Albert Einstein của Thiên niên kỷ trước trong một cuộc thăm dò ý kiến vào tháng 9 năm 1999 của BBC (Hoài Hương, 2020).

Tài liệu tham khảo

- C. Mác và Ph. Ăngghen (2002a). *Toàn tập* (tập 4). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- C. Mác và Ph. Ăngghen (2002b). *Toàn tập* (tập 23). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- C. Mác và Ph. Ăngghen (2002c). *Toàn tập* (tập 37). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Hà Nhân (2025). *Lại tái diễn luận điều xuyên tạc về tự do và nhân quyền ở Việt Nam*. Báo Nhân dân. <https://nhandan.vn/lai-tai-dien-luan-dieu-xuyen-tac-ve-tu-do-va-nhan-quyen-o-viet-nam-post863557.html>.
- Hoài Hương (2020). *Kỷ niệm ngày sinh của Karl Marx (5/5): Một triết gia vĩ đại về tình yêu*. Báo Sức khỏe và Đời sống. <https://suckhoedoisong.vn/ky-niem-ngay-sinh-cua-karl-marx-5-5-mot-triet-gia-vi-dai-ve-tinh-yeu-169173522.htm>.
- Vadée, M. (1996). *Marx - Nhà tư tưởng của cái có thể* (tập II). Viện Thông tin Khoa học xã hội.
- Eagleton, T. (2018). *Tại sao Mác đúng?*. NXB Chính trị - Hành chính.